

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã MĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh P, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã MĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Chị N và anh Huỳnh P chung sống với nhau, được UBND xã MĐ, thị xã

HT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau, anh P không lo làm ăn, không có trách nhiệm lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Từ đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không thể tự giải quyết, dẫn đến chị N không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh P. Năm 2016, chị đã khởi kiện ly hôn với anh P một lần, nhưng do anh P năn nỉ, hứa sửa chữa bản thân nên chị đã xin rút đơn và được Tòa án nhân dân thị xã HT ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, về đoàn tụ được hơn một tháng thì anh P vẫn đi chơi lêu lổng, không quan tâm gì đến vợ con. Chị và anh P sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay và không hỏi han qua lại, không chăm sóc lẫn nhau. Nay chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có với nhau 01 đứa con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 21/9/2012, giới tính nam, hiện nay đang do chị N chăm sóc. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày giữa chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh P không đến Tòa và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Một giấy chứng nhận kết hôn giữa chị N và anh P (bản chính); Một giấy khai sinh của con chung tên Huỳnh Thanh Ph (bản sao) và các giấy tờ về nhân thân của chị N (bản phô tô).

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ

và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh P. Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh P có nơi cư trú tại ấp TĐ, xã MĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị N và anh P và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị

Ngọc N và anh Huỳnh P có quan hệ hôn nhân, được UBND xã MĐ, thị xã HT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2012 (số 44/2012, quyền số 01/2012), nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N với anh P, Hội đồng xét xử xét thấy năm 2016, chị N đã từng khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh P. Tuy nhiên sau đó chị N đã rút đơn và được Tòa án nhân dân thị xã HT ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 21/2016/QĐHNGĐ-ST ngày 04/3/2016. Về đoàn tụ được một thời gian ngắn thì giữa anh, chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương của chị N và anh P sinh sống và tham khảo ý kiến của bà Lâm Thị Kim N (mẹ ruột chị N), bà Trần Thị M (mẹ ruột anh P) thể hiện sự mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục. Anh P đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa và thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ anh P không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị N. Giữa chị N và anh P không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh P.

[5] Về con chung: Chị N và anh P có với nhau 01 người con chung tên Huỳnh Thanh Ph, sinh ngày 21/9/2012, giới tính nam, hiện nay đang do chị N chăm sóc. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy anh P không có ý kiến về việc nuôi con chung, cháu Ph hiện nay do chị N chăm sóc nên cần tiếp tục giao cháu Ph cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày giữa chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị N và anh P không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Huỳnh P.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cháu Huỳnh Thanh Ph, sinh ngày 21/9/2012, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001126 ngày

22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Kiên Giang, chỉ N không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tx. HT;
- Chi cục THADDs Tx. HT;
- UBND xã MĐ, HT-KG;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

Tạ Chí Dũng